



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THE LUONG
Last Middle First

Current Address 476/21 Huynh Van Bang F.H. 2 Phu Nhuan - HCM

Date of Birth 04/14/1930 Place of Birth _____

Previous Occupation (before 1975) military - Colonel VN Marines
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/14/75 To 02/13/88

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN THE LUONG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DO THI NGOC LUONG	03/03/89	wife
NGUYEN THI MAI TRAM	04/29/61	Daughter
NGUYEN THI TRAM ANH	02/28/63	"
NGUYEN THI ANH THU	09/01/64	"
NGUYEN THI THU HUONG	01/03/66	"
NGUYEN THE TIEN	01/13/69	Son
NGUYEN THI HUONG THAO	06/04/73	Daughter
BUI THI NGHI	1960	Mother in law
PHAM THI BE BAY	1961	Daughter in law
TRAN BA BINH	1956	Son in law
NGUYEN PHAM THE QUAN		Nephew
TRAN BA PHU		Niece

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

16. ADDITIONAL INFORMATION :

Sg ngày 20 - 10 - 1988

Kính gửi Chị T.

Tuổi hết xin chị hãy cầm cho Fô và gia
đình, Tã kính gửi sang chị Tập hồ sơ đề xin
chị giúp cho trong khả năng của chị - Nếu
hộp, có gì thiếu sót, hoặc chị đã nhận được,
kính xin chị viết cho gia đình Fô và chị
theo địa chỉ của Fô (tập hồ sơ) - Nếu nhận
được tin chị đó là niềm vui lớn lao cho
Fô và gia đình -

Xin chân thành kính chúc chị và quý gia
đình an -

Kính Chị

Uyên

INTAKE FORM (Two Copies)
MẪU ĐƠN VỀ LỊCH
-đ-

NAME (Tên tù nhân): NGUYỄN THẾ LUÔNG
Last (Tên họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
hoặc NGUYỄN-THẾ-LUÔNG

DATE, PLACE OF BIRTH : APRIL I4 1930
(Năm, nơi sinh) Month (tháng) Day (ngày) Year (Năm)

SEX (NAM HAY NỮ) : MAN (Đàn ông)

MATERIAL STATUS : MARRIED

(Tình trạng gia-đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 476/2I đường Huỳnh-văn-Bánh, Phường I4

(Địa chỉ tại VN) Quận Phú-nhuận, Thành phố Hồ-chí-Minh

POLITICAL PRISONER : YES

PLACE OF RE-EDUCATION : From JUNE I4, 1975 To FEBRUARY I3, 1988
LONG-GIAO, TÂN-HIỆP (Biên-hòa) YÊN-BÁI, NAM-HÀ,
XUÂN-LỘC (Long-Khanh)

PROFESSION (Nghề nghiệp) MILITARY - COLONEL VIETNAMESE MARINES,
I47th Brigade Commander

EDUCATION IN US (Du học tại Mỹ) YES

- 1966, Language School of LACKLAND AIR FORCE BASE
(San Antonio - Texas)

- AMPHIBIOUS WARFARE SCHOOL (AWS), Course 2/1967
in QUANTICO (Triangle) VIRGINIA, USA

- LANDING FORCE TRAINING UNIT (LFTU) course 1960
in SAIGON.

- OJT at 3rd US MARINES DIVISION in OKINAWA -1963-

- OBSERVATION TRIP in the U.S.A in the late 1970

VN ARMY (QUAN DOI VN) RANK (Cấp bậc) : COLONEL - VIETNAMESE MARINES DIVISION
POSITION : - 369th Brigade Commander 1971 to 1973

- I47th Marines Brigade Commander from 1973 to 1975

APPLICATION FOR MOR O.D.P (Đã có nộp đơn cho O.D.P) NO

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) 00 I4

(Tên thân nhân +họ +tên) Ghi bên sau với đầy đủ chi tiết

MAILING ADDRESS IN VIET NAM : NGUYỄN-THẾ-LUÔNG 476/2I đường Huỳnh-văn-Bánh
Quận Phú-Nhuận, Thành phố Hồ-Chí-Minh. VN

NAME & ADDRESS OF SPONSOR RELATIVE: No

US CITIZEN : NO

NAME & SIGNATURE : NGUYỄN-THẾ-LUÔNG

Hồ-chí-Minh City OCTOBER 19, 1988

NAME OF PRINCIPAL APPLIANT (PA)

Full Name	Date of birth	Place of birth	Relationship
: ĐỖ-THỊ NGỌC LUÔNG	: 3 - 3 - 1939	: Bắc Ninh Province	: Wife
: NGUYỄN-THẾ-TRUYỀN	: 1958	: Nha-trang Ville	: Son (Married)
: NGUYỄN-THỊ NHƯ MAI	: 1959	: Nha-trang Ville	: Daughter (Married)
: NGUYỄN-THỊ MAI-TRÂM	: 29 - 4 - 1961	: Nha-trang Ville	: Daughter (Single)
: NGUYỄN-THỊ TRÂM ANH	: 28 - 2 - 1963	: Thủ-đức, Gia-định	: Daughter (Single)
: NGUYỄN-THỊ ANH THƯ	: 1 - 9 - 1964	: Thủ-đức, Gia-định	: Daughter (Single)
: NGUYỄN-THỊ THU HƯƠNG	: 3 - 1 - 1966	: Thủ-đức, Gia-định	: Daughter (Single)
: NGUYỄN-THẾ-TUẤN	: 13 - 1 - 1969	: Thủ-đức, Gia-định	: Son (Single)
: NGUYỄN-THỊ HƯƠNG-THẢO	: 4 - 6 - 1973	: Thủ-đức, Gia-định	: Daughter (Single)
: BUI-THỊ NGHỊ	: 1910	: Bắc-ninh Province	: Mother in law (Widower)
: PHẠM-THỊ BÉ BẦY	: 1961	: Đà-nẵng	: Daughter in law
: TRẦN-BÁ-BÍNH	: 1956	: Sài-gòn	: Son in law
: NGUYỄN-PHẠM THẾ-QUÂN	: 1984	: Sài-gòn	: Maternal grand nephew
: TRẦN-BÁ-PHÚ	: 1979	: Sài-gòn	: Maternal grand niece

Hồ-chí-Minh City OCTOBER, 19 - 1988

- I list here the documents
attached to this questionnaire

POLITICAL PRISONER

Nam & Signature : NGUYỄN-THẾ-LƯƠNG

- Birth Certificate
- Marriage Certificate
- Photo copy of Release certificated
- Photo

Ume

INTAKE FORM (Two Copies)
Mẫu Đơn Về Lý Lịch

-6-

NAME (Tên tù nhân): NGUYỄN THỂ LUÔNG
Last (Tên họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
hoặc NGUYỄN-THỂ-LUÔNG

DATE, PLACE OF BIRTH : APRIL I4 1930
(Năm, nơi sinh) Month (tháng) Day (ngày) Year (Năm)

SEX (NAM HAY NỮ) : MAN (Đàn ông)

MATERIAL STATUS : MARRIED

(Tình trạng gia-dình)

ADDRESS IN VIETNAM : 476/21 đường Huỳnh-văn-Bánh, Phường I4
(Địa chỉ tại VN) Quận Phú-nhuận, Thành phố Hồ-chí-Minh

POLITICAL PRISONER : YES

From JUNE I4, 1975 To FEBRUARY I3, 1988

PLACE OF RE-EDUCATION : LONG-GIAO, TÂN-HIỆP (Biên-hòa) YÊN-BAI, NAM-HÀ,
XUÂN-LỘC (Long-Khanh)

PROFESSION (Nghề nghiệp) : MILITARY - COLONEL VIETNAMESE MARINES,
I47th Brigade Commander

EDUCATION IN US (Du học tại Mỹ) YES

- 1966, Language School of LACKLAND AIR FORCE BASE
(San Antonio - Texas)

- AMPHIBIOUS WARFARE SCHOOL (AWS), Course 2/1967
in QUANTICO (Triangle) VIRGINIA, USA

- LANDING FORCE TRAINING UNIT (LFTU) course 1960
in SAIGON.

- OJT at 1st US MARINES DIVISION in OKINAWA -1963-
- OBSERVATION TRIP in the U.S.A in the late 1970

VN ARMY (QUAN ĐOÀI VN) RANK (Cấp bậc) : COLONEL - VIETNAMESE MARINES DIVISION
POSITION :

- 369th Brigade Commander 1971 to 1973

- I47th Marines Brigade Commander from 1973 to 1975

APPLICATION FOR O.D.P (Đã có nộp đơn cho O.D.P) NO

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) 03 I4

(Tên thân nhân +họ +tên) Ghi bên sau với đầy đủ chi tiết

MAILING ADDRESS IN VIETNAM : NGUYỄN-THỂ-LUÔNG 476/21 đường Huỳnh-văn-Bánh
Quận Phú-Nhuận, Thành phố Hồ-Chí-Minh. VN

NAME & ADDRESS OF SPONSOR RELATIVE: No

US CITIZEN : NO

NAME & SIGNATURE : NGUYỄN-THỂ-LUÔNG

Hồ-chí-Minh City OCTOBER 19, 1988

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA)

Fuul Name	Date of birth	Place of birth	Relationship
: ĐỖ-THỊ NGỌC LUÔNG	: 3 - 3 -1939	: Bắc Ninh Province	: Wife
: NGUYỄN-THỂ-TRUYỀN	: 1958	: Nha-trang Ville	: Son (Married)
: NGUYỄN-THỊ NHƯ MAI	: 1959	: Nha-trang Ville	: Daughter (Married)
: NGUYỄN-THỊ MAI-TRÂM	: 29 - 4 -1961	: Nha-trang Ville	: Daughter (Single)
: NGUYỄN-THỊ TRÂM ANH	: 28 - 2 -1963	: Thủ-đức, Giađinh	: Daughter (Single)
: NGUYỄN-THỊ ANH THÚ	: 1 - 9 -1964	: Thủ-đức, Giađinh	: Daughter (Single)
: NGUYỄN-THỊ THU HƯƠNG	: 3 - 1 -1966	: Thủ-đức, Giađinh	: Daughter (Single)
: NGUYỄN-THỂ-TUẤN	: 13 - 1 -1969	: Thủ-đức, Giađinh	: Son (Single)
: NGUYỄN-THỊ HƯƠNG-THẢO	: 4 - 6 -1973	: Thủ-đức, Giađinh	: Daughter (Single)
: BÙI-THỊ NGHỊ	: 1910	: Bắc-ninh Province	: Mother in law (Widow)
: PHẠM-THỊ BÉ BẦY	: 1961	: Đà-nẵng	: Daughter in law
: TRẦN-BÁ-BÍNH	: 1956	: Sài-gòn	: Son in law
: NGUYỄN-PHẠM THỂ-QUÂN	: 1984	: Sài-gòn	: Maternal grand nephew
: TRẦN-BÁ-PHÚ	: 1979	: Sài-gòn	: Maternal grand niece

-2-

Hồ-chí-Minh City OCTOBER, 19 - 1988

- I list here the documents
attached to this questionnaire

POLITICAL PRISONER

Name & Signature : NGUYỄN-THẾ-LƯƠNG

- Birth Certificate
- Marriage Certificate
- Photo copy of Release certificated
- Photo



58 18

19.02.1988

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Trại **XUAN LOC**

Số **37** GRT

00087801102

SHSLD

GIẤY RÀ TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **63/QĐ** ngày **04** tháng **02** năm **1988**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN - THẾ - LƯƠNG**

Sinh năm 19 **30**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Thanh hoá .**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

476/21 Nguyễn huỳnh đức . Quận phú nhuận . TP/ HCM .

Can tội **Đại tá lữ đoàn trưởng thủy quân lục chiến .**

Bị bắt ngày **14-6-1975**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **476/21 Nguyễn huỳnh đức . Phú nhuận . TP/ HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

- Trong thời gian cải tạo ở trại có nhiều cố gắng hoàn thành công việc giao , nội quy chấp hành tốt .

SAO Y DAN CHANH

Ngày 10 tháng 5 năm 1988

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **23** tháng **02** năm 19 **88**



THỦ LĨNH PHƯƠNG 14
KT. CHỦ TỊCH
P. CHỦ TỊCH

Lần tay ngón trỏ phải

Của **Nguyễn Thế Lương .**

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Danh bản số

Lập tại

Ngày **13** tháng **2** năm 19 **88**

Giám thị

Nguyễn thế Lương - Thiếu tá : NGUYỄN THANH TÂN

Công an ngày 14. 88

Xử án

Được đưa HTCI về có đến
trình diện tại tòa ngày 1.

Ngày 12. 12. 88

GIẤY CHỨNG

Thẩm phán tại Tòa HCTI
Thẩm phán tại Tòa HCTI
Thẩm phán tại Tòa HCTI

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán

VIỆT - NAM CỘNG-HÒA

TÒA SƠ - THẨM KHÁNH - HÒA

TƯ - PHÁP

TÒA HÒA - GIẢI QUẬN

VINH • XUÔNG

SỞ TƯ - PHÁP HUẾ

TÒA HÒA-GIẢI QUẬN

V. XUÔNG

BIÊN BẢN THẾ VÌ:

Khai - Sinh

Việc số 145 /TV/K.S.

Ngày 4-3-1960

của

ĐỖ THỊ NGỌC LUONG



Năm một ngàn chín trăm sáu mươi ngày Ba tháng ba
hồi 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi

PHAN DINH DI

Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán Tòa Hòa-giải Quận
Văn-phòng, có ông

VINH XUÔNG

ngồi tại

có ông

ĐỖ-THỊ-NGỌC-LUONG 21

Thư-ký kiêm Lục-sự giúp việc

chánh quán tại

Nhiệm-Xã, Võ-Giang, Bắc-Ninh

thẻ kiểm-tra căn-cước số 3980023
ngụ tại

cấp tại

Nhatrang

ngày 10-5-57

đến trình-diện rằng hiện nay y không thể xin sao lục khai-sinh của y được
vì lẽ bản chính bị thất lạc và sổ bộ bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến tranh.

MIỄN LỆ PHÍ

ngành định ngày

(17-11-47)

nên yêu cầu bản tòa bằng vào lời khai các nhân chứng sau đây, do y triệu đến,
để lập cho y biên bản thay thế chứng thư hộ-ích nói trên.

Liền đó có đến trình diện.

1) Bả Vong-Thư-Hui, 28 tuổi, nghề-nghiệp nổi tro
chánh quán tại Ban-an, Vinh-Trai, Lang-Son
thẻ kiểm-tra căn-cước số 328012360 cấp tại Nhatrang ngày 5-8-55
ngụ tại Trai Hoang-Dieu

2) Bả Đào-thị-Duon, 34 tuổi, nghề-nghiệp nổi tro
chánh quán tại Ngoc-Dong, Hung-Ten
thẻ kiểm-tra căn-cước số 468011343 cấp tại Nhatrang ngày 26-9-55
ngụ tại Trai Hoang-Dieu

3) Ông Trần-Van-So, 45 tuổi, nghề-nghiệp làm thuê
chánh quán tại Thị-xã Quinhon
thẻ kiểm-tra căn-cước số 154000779 cấp tại Nhatrang ngày 11-8-55
ngụ tại Xã Nhatrang Dong.

Ba nhân chứng nói trên sau khi nghe đọc các khoản trên đây và điều 337 Hoàng-Việt Hình-luật phạt tội ngụy chứng về việc hộ (từ 3 tháng đến 1 năm tù, phạt bạc từ 30\$ đến 120\$) đã tuyên-thệ và chứng thật có biết rằng:

Dỗ-thị-ngọc-Luong, sinh ngày ba, tháng ba, năm một ngàn chín trăm ba mươi chín (3-3-1939) tại làng Niêm-Xa, quận Võ-Giăng, tỉnh Bắc-Ninh, con ông Dỗ-van-Choi (c) và bà Bùi-thị-Nghi (c).

Và duyên cớ mà đương-sự không thể xin sao lục chứng thư hộ-tịch là vì bản chính đã bị thất lạc và sổ hộ bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến tranh.

Bởi vậy Bản-Tòa, chiếu theo sự kiện trên và các điều 47, 48 Hoàng-Việt Hộ-luật lập biên-bản này để thế vì **khai-sinh** cho **Dỗ-thị-ngọc-Luong**

để tùy-nghĩ liên dụng, theo như đơn thỉnh cầu đã nộp tại Bản-Tòa ngày

Sau khi đọc lại, đương-sự và các nhân chứng đã ký tên dưới đây với chúng tôi và ông Lục-sự.

Làm tại **Vinh-Xuong** ngày, tháng, năm như trên.

Thư ký kiêm Lục-sự

Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Thán

NGUYỄN VĂN DANG

PHAN DINH DI

Dong dấu và ký tên

Dong dấu và ký tên

Nhân chứng

Đương-sự,

Bà Vong-nhuc-Mui ký tên

Dỗ-thị-ngọc-Luong

Bà Đào-thị-Duom ký tên

ký tên

Ông Trần-Van-Se ký tên

Duyệt tem và trước-bạ tại Nha Trang

ngày tháng năm 19 60

Quyền từ số

Thư: Miền - Thuố

Chủ - sự,

Dong dấu và ký tên

TA HUYNH.

TRÍCH-LỤC DAN CHÁNH ĐỀ TẠI PHÒNG
LỤC-SỰ TÒA HÒA GIẢI VINH-XUÔNG
VINH-XUÔNG ngày 4-3-1960



TỈNH KHANH-HOA
Phủ, Huyện Tĩnh-Lý, Nha Trang
Làng, Phường Đô-Nhi.

SỐ HIỆU Mui-Đa
(13)

GIẤY KHAI GIÁ-THÚ

Lê chưa đề lược, biến án toà và sửa giấy khai này lại hoặc đề biến các cước-chủ khác

Họ, tên người chồng	NGUYEN- THE - LUONG .
Quốc - tịch	Việt-Nam .
Người chồng làm nghề-nghiệp gì và trú-quán (làng, huyện, tỉnh, nào)	Quân-nhân, Quân-Dội Việt-Nam Công-Hoà K.B.C. 4.510.
Người chồng sanh ngày tháng, năm nào, sanh ở đâu	Ngày mười bốn tháng tư, năm 1930 tại làng Bui-Thôn, Huyện Quang-Xuong, Tỉnh Thanh-hoa .
Họ, tên, quốc-tịch ông thân người chồng	NGUYEN-THI-LUONG Việt-Nam.
Ông thân người chồng mấy tuổi, sống hay chết rồi, nghề-nghiệp sanh-quán và trú-quán	(Chết)
Họ, tên, quốc-tịch bà mẹ người chồng	NGUYEN-THI-LONG Việt-Nam.
Bà mẹ người chồng mấy tuổi, sống hay chết rồi, nghề-nghiệp, sanh-quán và trú-quán	Năm mười ba tuổi, buôn-ban, tại làng Bui-Thôn, Huyện Quang-Xuong Tỉnh Thanh-hoa, Trung Phần Việt-Nam .
Họ, tên người vợ	DO- THI- NGOC - LUONG .
Quốc - tịch	Việt-Nam .
Người vợ làm nghề gì và trú-quán (làng, huyện, tỉnh, nào)	Buôn-ban, trú tại số 8 đường On-nhu-Hầu, Thị-Xã Nha Trang Tỉnh Khanhhoa .
Người vợ sanh ngày, tháng năm nào, sanh tại đâu	Ngày ba, tháng ba, năm 1939, tại làng Niêm-Xa, Quận VO- GIANG, Tỉnh BAC-NINH, Bắc-Phần V-N.
Họ, tên, quốc-tịch ông thân người vợ	DO- VAN -CHOI. Việt-Nam.

Lê chưa đề lược-biên án toà sửa giấy khai này lợi hoặc đề biên các cước-chủ khác

Ông thân người vợ mấy tuổi, sống hay chết rồi, nghề-nghiệp sanh-quần và trú-quần	(CHET)
Họ, tên quốc-tịch bà mẹ người vợ	BUI- THI- NOHI Việt-Nam.
Bà mẹ người vợ mấy tuổi, sống hay chết rồi, nghề-nghiệp sanh-quần và trú-quần	Bốn mươi tám tuổi, buôn-ban, sanh quan tại Bạc-Ninh, trú quần số 6 On-nhu-Hầu Nhatrang.
Họ, tên, tuổi, nghề-nghiệp sanh-quần và trú-quần người làm chứng thứ nhất (nếu cha mẹ đòi bên có đứng vào giấy khai này, thì không cần người chứng (nên khoảng này bỏ trống)	HOANG-VAN-KE, buôn-ban, sinh nam 1909, tại Niêm-Xa, Vo-Giang, Tỉnh Bạc-Ninh, Bạc-Phân, trú quan tại trại Gia-dinh Bình-Si, Tiêu-Đoan I Thủy-quân Lục-Chiến.
Họ, tên, tuổi, nghề-nghiệp sanh-quần và trú-quần người làm chứng thứ nhì (nếu cha mẹ đòi bên có đứng vào giấy khai này, thì không cần người chứng (nên khoảng này bỏ trống)	BUI-VAN-TU, sinh nam 1903, nghề-nghiệp: Lao-Thành, sanh quan tại Làng Đông (Vinh) Vi, huyện Đông-Quang, Thái-Bình, trú tại 23 Trần-Quy-Đáp, Thi-Xa Nhatrang, Tỉnh K-7.
Cưới ngày, tháng năm nào (viết toàn chữ và chưa thêm số)	Ngày HAI MƯƠI BỐN, THÁNG MƯỜI, NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MƯỜI BAY (24-10-1957)
Cưới làm vợ chánh, vợ kế hay vợ thứ	VO - C H A N H .

Giấy này làm tại NHATRANG ngày 26 tháng 10 năm 1957
 Ông thân người chồng, Ông thân người vợ, Bà mẹ người chồng, Bà mẹ người vợ,

Chồng,

Vợ,

Trí bộ,

NGUYEN-THI-LUONG.
(ky-tên)

DO-THI-NGOC-LUONG.
(ky-tên)

Phuong De-Nhi.
NGUYEN-VAN-XUAN.
(Dong-dâu và ky-tên)

Người làm chứng thứ nhất,

Người làm chứng thứ nhì,

HOANG-VAN-KE
(ky-tên)

BUI-VAN-TU.
(ky-tên)

TRICH BUC Y CHANH BAN.

Khoảng trống để đóng dấu cho chỗ sửa-chữa trong tờ khai này:

TRUNG - VIỆT

THI-XA NHA-TRANG

HỒI-BONG HUONG CHINH

QUANG-DE-NHI

CHÚ-Y. — Chỗ trống không dùng phải kéo một nét mực.

Người nào không biết ký tên phải in dấu ngón tay vào và Trí-Bộ phải chú rõ rằng người ấy không biết ký tên.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Phường, Xã.....I4.....

Quận, Huyện.....PHÚ-NHUẬN

TP HỒ-CHÍ-MINH

SƠ YẾU LÝ LỊCH

TẠM THAY THẺ KHAI SINH

Họ tên đưa trẻNGUYỄN-THẾ-LUÔNG.....
Trai hay gái.....TRAIR.....(Tên thường dùng NGUYỄN-THẾ-LUÔNG)
Ngày tháng năm sinh.....Ngày MƯỜI BỐN THÁNG TƯ NĂM MỘT NGÀN
CHÍN TRĂM BA MƯƠI (14-4-1930).....

Nơi sinh.....Làng Bùithôn, X Quảng Hải, H Quảng Xương, T THANH HÓA.....
Thành phần và hoàn cảnh gia đình.....Đủ ăn.....

Họ tên tuổi.....NGUYỄN-THẾ-LUÔNG (Chết).....
Quốc tịch người cha.....VIỆT-NAM.....
Nghề nghiệp.....Làm ruộng.....

Chỗ ở.....Làng Bùithôn, X Quảng Hải, H Quảng Xương, T THANH-HÓA.....

Họ tên tuổi.....NGUYỄN-THI-LONG (Chết).....
Quốc tịch người mẹ.....VIỆT-NAM.....
Nghề nghiệp.....Làm ruộng.....

Chỗ ở.....Làng Bùithôn, X Quảng Hải, H Quảng Xương, T THANH-HÓA.....

Lý do không có khai sinh.....Bị thất lạc trong thời kỳ
Chiến-tranh.....

Xin cam đoan các lời khai nơi bản lý lịch này đúng sự thật tôi xin
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có khai gian, xin cơ quan
chính quyền chứng nhận để tôi tạm sử dụng trong phạm vi pháp luật hiện
hành trong khi chờ đợi chủ trương của chính quyền về trường hợp này.

Ngày 27 tháng 9 năm 1988.

NGƯỜI XIN KÝ TÊN

Uenel

Người chứng thứ nhất :

Họ tên tuổi.....BUI-VAN-LAI 57 tuổi.....
Nghề nghiệp.....Nghỉ hưu.....
Địa chỉ.....529/64 Huỳnh-Văn-Bánh, P I4
Q. Phú-Nhuận, TP Hồ-Chí-Minh.....
Quan hệ thế nào người khai.....Anh họ bên vợ.....

lan

Người chứng thứ hai :

PHẠM-NGỌC-ÂN 61 tuổi.....
Nghề nghiệp.....Nghỉ mất sức.....
Địa chỉ.....541/27 Huỳnh-văn-Bánh, P I4
Q. Phú-Nhuận, TP Hồ-Chí-Minh.....
Quan hệ thế nào người khai.....Anh họ bên vợ.....

Pham



KT. CHỦ TỊCH
P. CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Anh

KHAI SANH



Số hiệu: 399
Nhân thực

MIỀN L. PH. Quan nhân

Chu ký của Hội Viên Hộ Tích

Dưới đây

Linh đông Xa ngày 20-3-1963:

Hội Viên Tại Chanh

Tên, họ ấu-nhi: Nguyễn thị trâm Anh

Gai

Sinh Ngày hai mươi tám tháng hai dương lịch 1963

(Ngày, tháng, năm)

Tại: Nhà báo sanh Dai Dong Thuoc 8905. 5-2 Li

Cha: Nguyễn the Lương

(Tên họ)

33 tuổi

1963

Nghề-nghiệp: Quan nhân

Cư-trú tại: Linh đông Xa

Mẹ: Đỗ thị Ngọc Lương

(Tên, họ)

24 tuổi

Tuổi:

Nghề-nghiệp: Nội trợ

Cư-trú tại: Linh đông Xa

Vợ: Ve chanh

Người khai: Bùi thị Nghi

(Tên, họ)

54 tuổi

Tuổi:

Nghề-nghiệp: Bươn bán

Cư-trú tại: Linh đông Xa

Ngày khai: 3 tháng 3 dương lịch 1963

Người chứng thứ nhất: Nguyễn thị Hương

(Tên, họ)

31 tuổi

Tuổi:

Nghề-nghiệp: Nội trợ

Cư-trú tại: Linh đông Xa

Người chứng thứ nhì: Lương đặc Thiết

(Tên, họ)

23 tuổi

Tuổi:

Nghề-nghiệp: Thủy quân lục chiến

Cư-trú tại: Linh đông Xa

Lam tại Linh đông Xa, ngày 3 tháng 3 năm 1963

Người khai,

Bùi thị Nghi

Hó lại,

Ngọc

Nhân-chứng,

Nguyễn thị Hương

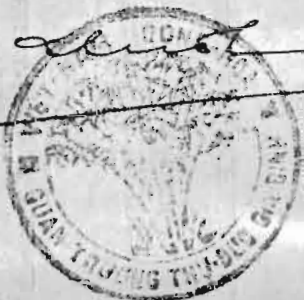
Lương đặc Thiết

KIỂM THỊ VÀ CHỨNG THỰC
Chu ký của Hội đồng Xa

Linh đông Xa

Ngày 20-3-1963

Phó trưởng



TRẦN VĂN-GIỎI

KHAI SANH



TÊN HỌ ẤU - NHI

NGUYỄN - THỊ - MẠI - TRÂM

Phái

Nữ

Sanh Hai mươi chín, tháng tư, năm một nghìn chín trăm sáu mươi một,
(Ngày tháng năm) (29-4-1961 hồi 7 giờ sáng tuổi 15-3 năm Tân-giá)

Tại Hồ-sinh, Bệnh-viện, Bác-sĩ, Lê-văn-Trí, Nhatrang,

Cha

NGUYỄN - THẾ - LƯƠNG

(Tên họ)

Tuổi

Sinh năm 1930

Nghề nghiệp

Quân-nhân K.B.C. 3.337,

Cư trú tại

Số 52, đường Nguyễn-Hoàng, Nhatrang,

Me

ĐỖ - THỊ - NGỌC - LƯƠNG

(Tên họ)

Tuổi

Sinh năm 1939

Nghề nghiệp

Nội-trợ,

Cư trú tại

Số 52, đường Nguyễn-Hoàng, Nhatrang,

Vợ chánh hay thứ

Vợ-Chánh,

Người khai

LÊ - VĂN - TRÍ

(Tên họ)

Tuổi

Sinh năm 1908

Nghề nghiệp

Bác-sĩ,

Cư trú tại

Số 2, đường Trần-cao-Vân, Nhatrang,

Ngày khai

Ngày 10 tháng 5 năm 1961

Người chứng thứ nhất

(Tên họ)

Tuổi

Nghề nghiệp

Cư trú tại

Người chứng thứ nhì

(Tên họ)

Tuổi

Nghề nghiệp

Cư trú tại

Làm tại Xã Nhatrang-Đông, ngày 10 tháng 5 năm 1961.

Người Khai,

HỘ-LAI,

Bác-sĩ,

LÊ-VĂN-TRÍ,

NHÂN CHỨNG,

BÁC-SĨ,

LÊ-VĂN-TRÍ,

TÊN THỰC CHỮ KÝ CỦA

BÁC-SĨ,

LÊ-VĂN-TRÍ,

TÊN THỰC CHỮ KÝ CỦA

BÁC-SĨ,

LÊ-VĂN-TRÍ,

TÊN THỰC CHỮ KÝ CỦA

BÁC-SĨ,

LÊ-VĂN-TRÍ,

TÔN-THẤT-VINH

TÊN THỰC CHỮ KÝ CỦA

BÁC-SĨ,

LÊ-VĂN-TRÍ,

TÊN THỰC CHỮ KÝ CỦA

BÁC-SĨ,

LÊ-VĂN-TRÍ,

MAI

MAI

Tran Thien Hieu



Hội Gia đình Tù nhân chính trị VN.
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-063.

FIRST CLASS

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA ĐỊNH

HỒ-SƠ QUẢN-TRỊ

XÃ LINH ĐÔNG

BỒN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH



Năm 1964

Số hiệu: 1719

Tên, họ đầu nhi	Nguyễn -thị Anh Thư
Phối	Gái
Sinh (ngày, tháng, năm)	Ngày mốt tháng chín dương lịch 1964
Tại	Nhà Bảo sanh Tử Chí Anh Thước
Chợ (Tên, họ)	Nguyễn thế -Lương
Nghề	Quản nhân
Cư-trú tại	Linh đông Xã
Mẹ (Tên, họ)	Đỗ thị Ngọc Lương
Nghề	Nội trợ
Cư-trú tại	Linh đông Xã
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Chứng từ Hộ tịch Xã

Chứng nhận cho hợp - pháp chữ ký tên của

Ông: CHU TỊCH KIÊM

Hội-viên Hộ-tịch

Xã: Linh đông

THƯỚC

, ngày 8 tháng 9 năm 19 64

TL. QUAN TRƯỞNG

Trích y bản chánh: 1964

Linh đông Xã, ngày 8 tháng 9 năm 19 64

CHU TỊCH KIÊM Hội-viên hộ-tịch,



LE TÂN PHÁT

11/11/20

11/11/20

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh Gia-Định

MIỄN LỆ-PHÌ
BỘ TRÍCH - LỤC

Xã Linh-Đông



BỘ KHAI-SANH

Năm 1966

Số hiệu 44

Tên họ ấu nhi	<u>Nguyễn-Thị Thu-Hương</u>
Phái	<u>Gái</u>
Sanh (ngày, tháng, năm)	<u>Ngày ba tháng giêng dương-lịch 1966</u>
Tại	<u>Nhà bảo-sanh Từ-Chí-Anh Thủ-Đức</u>
Cha (Tên, họ)	<u>Nguyễn-Thế-Lương</u>
Nghề	<u>Quân-nhân</u>
Cư-trú tại	<u>100 Lê-Thái-Tổ, Thủ-Đức</u>
Mẹ (Tên họ)	<u>Đỗ-Thị Ngọc-Lương</u>
Nghề	<u>Nội-trợ</u>
Cư-trú tại	<u>100 Lê-Thái-Tổ, Thủ-Đức</u>
Vợ (Chánh hay thứ)	<u>Vợ chánh</u>

Kiên thị và Chứng thực chữ ký tên
của ông Chủ Tịch kiêm ủy viên Hộ tịch
xã Linh-Đông ngang đây :

Thủ-Đức ngày 13 tháng 01 năm 1966

TL. - Quận-Trưởng,

Trích y bản chính : 1966

Linh-Đông-Xã, ngày 13 tháng 01 năm 1966
Chủ-Tịch Kiêm Hội-viên hộ-tịch



TRẦN-VĂN

NGUYỄN-KHOA TẢNH
Phó Dân-Sự



BỘ TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

HỒ-SƠ QUÂN-NHÂN

Năm 1969

PHÒNG KIỂM-SOÁT HỘ-TỊCH
HỘI-VIÊN PHU-TRƯỞNG

Số hiệu: 115

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn thế Tuấn /
Phái	Trai
Sanh Ngày (ngày, tháng, năm)	mười ba tháng giêng dương lịch 1969 -
Tại	Nhà báo sanh Từ-Chi-Anh THU-HUC
Cha (Tên họ)	Nguyễn thế Lương
Nghề	Quân nhân /
Cư trú tại	THU-HUC
Mẹ (Tên, họ)	Đỗ thị Ngọc-Lương
Nghề	Nô-i-trợ
Cư trú tại	THU-HUC
Vợ (Chính hay thứ)	Vợ chánh

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ tịch
Kiểm Ủy viên Hộ-tịch Xã LINH-ĐÔNG
THU-HUC ngày 23 tháng 01 năm 1969

TUN/QUAN-TRƯỞNG

PHU-TRƯỞNG



TRƯƠNG-MINH-NHƯ
PHU ĐỐC-SỰ

Trích y bản chánh :

LINH ĐÔNG, ngày 23 tháng 01 năm 1969
CHỦ-TỊCH kiêm ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH.



NGUYỄN-VĂN-KINH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

Quận THỦ-ĐỨC

Xã LINH-ĐÔNG

Số hiệu: 1244



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 10 tháng 6 năm 1973



Tên họ đứa trẻ	Nguyễn Thị Hương-Thảo
Con trai hay con gái	Gái
Ngày sanh	Ngày bốn tháng sáu dương lịch năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba
Nơi sanh	Nhà báo sanh Tư Chi Anh Thủ-Đức
Tên họ người cha	Nguyễn Thế Lương
Tên họ người mẹ	Cô Thị Ngọc Lương
Vợ chánh hay không có hôn thú	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai	Nguyễn Thị Từ Huệ

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHANH 1973
Linh-Đông Xã, ngày 22 tháng 6 năm 1973

Xã TRƯỞNG,
Kiêm Ủy Viên Hộ Tịch

[Signature]

MIỄN THỊ THỰC

ICVT Số 9475/BNV/HC.29

Ngày 22-10-1971 của Bộ Nội-Vụ



NGUYỄN THẾ LƯỜNG
2/1975

1



NGUYỄN THẾ
LƯƠNG

10/1988

CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

5/10/89 form